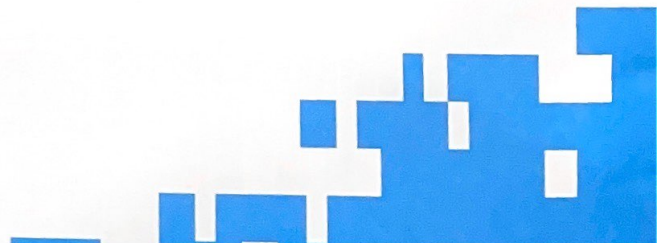




**CÔNG TY CỔ PHẦN  
GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG  
VÀ CÔNG TY CON**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 – 9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 – 41



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

**CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Trần Công Thành  
Tổng Giám đốc

TP. Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024



RSM Việt Nam

Tầng 3A, Tòa nhà L'Mak The Signature  
147-147Bis Hai Bà Trưng  
Phường Võ Thị Sáu, Quận 3  
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

T +8428 3827 5026  
contact\_hcm@rsm.com.vn

www.rsm.global/vietnam

Số: 390/2024/KT-RSMHCM

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông**  
**Các thành viên Hội đồng Quản trị**  
**Các thành viên Ban Tổng Giám đốc**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG**

### Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Giao nhận Vận Tải Ngoại Thương (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 28 tháng 03 năm 2024 từ trang 05 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

THE POWER OF BEING UNDERSTOOD  
ASSURANCE | TAX | CONSULTING

RSM Vietnam is a member of the RSM network and trades as RSM. RSM is the trading name used by the members of the RSM network. Each member of the RSM network is an independent accounting and consulting firm which practices in its own right. The RSM network is not itself a separate legal entity in any jurisdiction.

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)**

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Giao nhận Vận Tải Ngoại Thương và công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 và hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

**TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Trịnh Thanh Thanh**  
**Giám đốc kiểm toán**  
 Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
 2820-2020-026-1  
 (Theo Giấy ủy quyền số 14/2023-24/UQ-RSM ngày  
 01 tháng 10 năm 2023)

**Nguyễn Thị Bích Thảo**  
**Kiểm toán viên**  
 Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
 4341-2024-026-1

**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2024

Theo Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>423.128.039.713</b>	<b>473.137.165.852</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	4.1	<b>119.556.742.636</b>	<b>124.513.281.776</b>
1. Tiền	111		33.917.942.636	58.859.564.776
2. Các khoản tương đương tiền	112		85.638.800.000	65.653.717.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	4.2	<b>130.333.256.800</b>	<b>166.907.465.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		16.525.000.000	16.525.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(1.290.100.000)	(397.075.000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		115.098.356.800	150.779.540.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>169.498.316.855</b>	<b>180.316.782.887</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	136.665.505.055	162.291.169.391
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	26.213.732.212	7.708.556.338
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	17.698.846.361	19.471.634.898
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(11.079.766.773)	(9.154.577.740)
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.739.723.422</b>	<b>1.399.636.189</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.476.159.448	1.364.936.835
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		77.822.918	34.699.354
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.10	185.741.056	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>228.551.618.447</b>	<b>229.568.617.464</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>29.371.860.783</b>	<b>32.559.398.117</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	28.352.437.191	31.494.646.854
Nguyên giá	222		109.424.266.117	109.098.630.394
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(81.071.828.926)	(77.603.983.540)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.8	1.019.423.592	1.064.751.263
Nguyên giá	228		3.593.073.186	3.593.073.186
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.573.649.594)	(2.528.321.923)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>848.928.990</b>	<b>255.239.000</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		848.928.990	255.239.000
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	4.2	<b>198.219.217.511</b>	<b>196.159.105.755</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		171.142.319.838	169.856.891.784
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		23.445.240.000	21.623.200.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(68.342.327)	(20.986.029)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		3.700.000.000	4.700.000.000
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>111.611.163</b>	<b>594.874.592</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		111.611.163	594.874.592
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>651.679.658.160</b>	<b>702.705.783.316</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**  
Tại ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>435.117.105.653</b>	<b>527.757.602.856</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>432.073.011.653</b>	<b>461.176.355.101</b>
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	4.9	177.901.228.343	196.241.984.737
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		12.521.019	53.743.351
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.10	2.950.724.913	6.075.100.971
4. Phải trả người lao động	314	4.11	8.079.797.965	16.197.185.880
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.12	11.877.989.863	2.674.168.014
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.13	7.452.660.562	7.486.791.975
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.14	223.798.088.988	232.447.380.173
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>3.044.094.000</b>	<b>66.581.247.755</b>
1. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	3.840.996.814
2. Phải trả dài hạn khác	337	4.13	3.044.094.000	3.506.038.000
3. Trái phiếu chuyển đổi	339	4.15	-	59.234.212.941
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>216.562.552.507</b>	<b>174.948.180.460</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	4.16.1	<b>216.562.552.507</b>	<b>174.948.180.460</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		166.994.970.000	119.490.050.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		166.994.970.000	119.490.050.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		57.826.051.991	45.544.394.511
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	531.977.480
4. Cổ phiếu quỹ	415		(817.208.082)	(817.208.082)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418	4.16.6	9.400.293.842	9.400.293.842
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	4.16.6	12.000.000.000	12.000.000.000
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(28.841.555.244)	(11.201.327.291)
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		(11.201.327.291)	-
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(17.640.227.953)	(11.201.327.291)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>651.679.658.160</b>	<b>702.705.783.316</b>



Trần Công Thành  
Tổng Giám đốc

Đỗ Thị Thu Hiền  
Kế toán trưởng

Lê Thị Hương Lan  
Người lập

TP. Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam


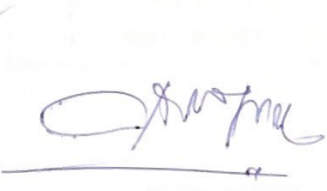
Mẫu số B 02 - DN/HN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2023	Năm 2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	879.526.958.129	1.803.584.707.015
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		879.526.958.129	1.803.584.707.015
3. Giá vốn hàng bán	11	5.2	830.649.556.559	1.713.423.210.712
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		48.877.401.570	90.161.496.303
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	16.633.443.501	16.807.939.328
6. Chi phí tài chính	22	5.4	18.804.086.736	27.121.231.737
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		<i>14.457.115.058</i>	<i>18.510.561.060</i>
7. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết	24		(31.782.771.946)	(39.520.187.807)
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	30.360.892.937	41.628.708.961
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(15.436.906.548)	(1.300.692.874)
10. Thu nhập khác	31		477.126.119	330.025.716
11. Chi phí khác	32		88.952.387	689.015.117
12. Lợi nhuận khác	40		388.173.732	(358.989.401)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(15.048.732.816)	(1.659.682.275)
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.7	2.591.495.137	9.541.645.016
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(17.640.227.953)	(11.201.327.291)
16. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(17.640.227.953)	(11.201.327.291)
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.16.4	(1.113)	(984)
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.16.5	(1.113)	(984)

Trần Công Thành  
Tổng Giám đốc  
Đỗ Thị Thu Hiền  
Kế toán trưởng  
Lê Thị Hương Lan  
Người lập

TP. Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2023	Năm 2022
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(15.048.732.816)	(1.659.682.275)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.6	4.366.424.288	4.957.498.656
Các khoản dự phòng	03		2.865.570.331	1.759.862.282
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(487.753.776)	(75.232.280)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		19.599.049.373	31.785.876.422
Chi phí lãi vay	06	5.4	14.457.115.058	18.510.561.060
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		<b>25.751.672.458</b>	<b>55.278.883.865</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		20.087.878.990	241.271.528.621
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(29.031.569.873)	(111.381.650.687)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(1.627.959.184)	(644.190.222)
Tiền lãi vay đã trả	14		(18.256.976.813)	(18.186.260.621)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.10	(3.870.324.312)	(13.891.162.458)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	337.051.470
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	(555.555.555)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		<b>(6.947.278.734)</b>	<b>152.228.644.413</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.862.267.874)	(196.372.054)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		141.279.460	118.181.818
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(19.755.841.800)	(62.203.924.539)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		56.902.005.000	15.929.923.717
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(34.890.240.000)	(97.359.350.000)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		9.502.877.211	7.734.311.385
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		<b>10.037.811.997</b>	<b>(135.977.229.673)</b>

(Xem trang tiếp theo)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2023	Năm 2022
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.2	804.479.864.304	1.286.384.332.224
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.3	(813.129.155.489)	(1.279.338.312.846)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(11.893.605.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(8.649.291.185)</b>	<b>(4.847.585.622)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>				
(50 = 20+30+40)	50		(5.558.757.922)	11.403.829.118
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		124.513.281.776	112.902.428.057
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		602.218.782	207.024.601
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ</b>				
(70 = 50+60+61)	70	4.1	119.556.742.636	124.513.281.776



Trần Công Thành  
Tổng Giám đốc

Đỗ Thị Thu Hiền  
Kế toán trưởng

Lê Thị Hương Lan  
Người lập

TP. Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 – DN/HN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là chi nhánh Hà Nội của Công ty Giao Nhận Kho Vận Ngoại Thương Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 30 tháng 12 năm 2002, Chi nhánh được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103002086 ngày 07 tháng 04 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào 31 tháng 05 năm 2023 để thay đổi vốn điều lệ.

Ngày 07 tháng 08 năm 2009, Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam theo Quyết định số 38/2009/GCNCP-TTLK ngày 07 tháng 08 năm 2009 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam. Ngày 10 tháng 08 năm 2009, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 42/GCN-SGDHN ngày 10 tháng 08 năm 2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 166.994.970.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia/ Quốc tịch	Tại ngày 31/12/2023		Tại ngày 01/01/2023	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Vinafreight	Việt Nam	41.537.040.000	24,87	29.615.000.000	24,78
Công ty Cổ phần Transimex	Việt Nam	36.357.640.000	21,77	23.571.400.000	19,73
Công ty Cổ phần VNT Holdings	Việt Nam	27.780.000.000	16,64	27.780.000.000	23,25
Lionas Fund Co., Ltd	Nhật Bản	17.136.000.000	10,26	17.136.000.000	14,34
Công ty Cổ phần Giao Nhận Kho Vận Ngoại Thương Việt Nam	Việt Nam	12.623.100.000	7,56	9.000.000.000	7,53
Ông Nguyễn Xuân Hùng	Việt Nam	8.497.360.000	5,09	-	-
Các đối tượng khác		23.063.830.000	13,81	12.387.650.000	10,37
<b>Cộng</b>		<b>166.994.970.000</b>	<b>100</b>	<b>119.490.050.000</b>	<b>100</b>

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 02 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Công ty có đầu tư vào 01 công ty con như được trình bày tại Mục 1.6 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn").

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2023 gồm:

Tên	Ngành nghề hoạt động chính	Địa chỉ
Chi nhánh Hải Phòng	Giao nhận, vận tải	số 208 đường Chùa Vẽ, phường Đồng Hải 1, quận Hải An, TP Hải Phòng
Chi nhánh Bắc Ninh	Giao nhận, vận tải	tầng 6 tòa nhà VNPT, số 33 Lý Thái Tổ, phường Ninh Xá, TP Bắc Ninh
Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	Giao nhận, vận tải	tầng 5 Khu C Tòa nhà Waseco, số 10 Phổ Quang, phường 2, quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh

Tổng số nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31/12/2023 là 420 (31/12/2022 là: 426).

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh**

Giao nhận, tiếp vận.

**1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (mã ngành: 5229). Chi tiết:

- Kinh doanh các dịch vụ về giao nhận, vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Môi giới thuê và cho thuê tàu cho các chủ hàng và chủ tàu trong và ngoài nước;
- Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận và vận tải nước ngoài;
- Đại lý tàu biển;
- Kinh doanh vận tải hàng hoá đa phương thức;
- Dịch vụ thương mại và dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu (thủ tục hải quan, tái chế, bao bì, kiểm kiện hàng hoá xuất nhập khẩu).

**1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn là 12 tháng.

**1.5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất**

Tập đoàn hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ giao nhận và tiếp vận, ngành nghề này đang đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Năm 2023, sản lượng vận chuyển liên tục giảm, buộc các đại lý dần điều chỉnh giá cước về mức tương đương cuối năm 2019. Với nhóm vận tải biển, áp lực gia tăng từ nguồn cung tàu mới khiến thị trường dư cung và giá cước giảm sâu thêm. Đây là những nguyên nhân chính dẫn đến doanh thu năm 2023 của Tập đoàn đã giảm 51% so với năm 2022, cụ thể:

- Doanh thu cước vận chuyển hàng không giảm 44%;
- Doanh thu cước vận chuyển đường biển giảm 55%;
- Doanh thu từ các dịch vụ khác giảm 56%.

Giá vốn năm 2023 giảm tương ứng với doanh thu.

Trong khi đó, lợi nhuận sau thuế năm 2023 của Tập đoàn chỉ giảm 57%. Nguyên nhân là do số lỗ hợp nhất từ khoản đầu tư vào Công ty liên kết là Công ty Cổ phần Cảng Mipec năm 2023 đã giảm so với năm 2022.

## CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

#### 1.6. Công ty con được hợp nhất

Là Công ty TNHH Giao nhận Vận tải Hà Thành với tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích là 100%. Trụ sở của công ty con được đặt tại số 02 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

#### 1.7. Các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Là Công ty Cổ phần Cảng Mipec với tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích là 26,66%. Trụ sở của công ty liên kết được đặt tại Bán đảo Đình Vũ - Khu KT Đình Vũ Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### 2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### 2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

### 2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

### 2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

### 2.5. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Tập đoàn mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và các công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và công ty mẹ.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua là ngày Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con, trừ trường hợp quyền kiểm soát của Tập đoàn chỉ là tạm thời khi công ty con chỉ được mua và nắm giữ cho mục đích bán lại trong thời gian không quá 12 tháng.

#### *Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ*

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG**

**3.1. Thay đổi chính sách kế toán**

Các chính sách kế toán của Tập đoàn sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm 2023.

**3.2. Ngoại tệ**

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ;
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

**3.3. Các ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán số " Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

**3.5. Đầu tư tài chính**

**Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán và các công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời) tại thời điểm báo cáo.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh bao gồm giá mua và các chi phí mua như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

336

ÔN  
TN  
FOA  
4VI

HO

101

CÔNG  
CỐ  
NH  
OAI

ĐI

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

### ***Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản như các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

### ***Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác***

#### ***Đầu tư vào công ty liên kết***

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Tập đoàn nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư vào công ty liên kết ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau đó, giá trị của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng giảm tương ứng với phần sở hữu của Tập đoàn trong lãi lỗ của công ty liên kết sau ngày mua. Các khoản phân phối từ công ty liên kết sau ngày mua được ghi giảm giá trị của khoản đầu tư.

#### ***Đầu tư khác***

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

### ***Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư khác***

#### ***Đối với các khoản đầu tư chứng khoán***

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, đối với các khoản đầu tư chứng khoán niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán trong nước và là chứng khoán mua bán tự do trên thị trường khi giá chứng khoán thực tế trên thị trường thấp hơn giá trị của khoản đầu tư chứng khoán đang hạch toán trên sổ kế toán, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư chứng khoán được trích lập để phản ánh khoản lỗ do tổn thất với mức tối đa bằng giá trị đầu tư thực tế đang hạch toán trên sổ kế toán để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản đầu tư không cao hơn giá trên thị trường.

#### ***Đối với các khoản đầu tư khác***

Dự phòng tổn thất đối với khoản đầu tư khác được tính dựa trên giá trị hợp lý nếu giá trị hợp lý được xác định một cách đáng tin cậy. Nếu không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

### **3.6. Nợ phải thu**

#### ***Nguyên tắc ghi nhận***

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

***Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi***

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.7. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng biệt và ghi nhận thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh và chi phí lắp đặt, chạy thử trừ đi giá trị sản phẩm thu hồi trong quá trình chạy thử, sản xuất thử.

***Phương pháp khấu hao***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 24 năm
▪ Máy móc thiết bị	03 - 10 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 10 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
▪ Khác	04 năm

**3.8. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

***Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình***

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế là giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại số 02 phố Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội trong 20 năm; quyền sử dụng diện tích đất tại phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng trong 50 năm và quyền sử dụng lâu dài diện tích đất tại Số 208 đường Chùa Vẽ, phường Đông Hải 1, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

*Phần mềm máy vi tính*

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

**3.9. Nợ phải trả**

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

**3.10. Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

**3.11. Nguồn vốn chủ sở hữu**

*Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

*Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

*Cổ phiếu quỹ*

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

**3.12. Doanh thu và thu nhập khác**

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó.

*Lãi tiền gửi*

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

***Thu nhập đầu tư***

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tập đoàn có quyền nhận khoản lãi.

**3.13. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh trực tiếp của dịch vụ cung cấp trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

**3.14. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay, lỗ tỷ giá hối đoái.

**3.15. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

**3.16. Thuế**

***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

***Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành***

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

***Thuế giá trị gia tăng***

Thuế giá trị gia tăng của các dịch vụ do Tập đoàn cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Cước vận chuyển quốc tế: 0%
- Phí dịch vụ chứng từ và các dịch vụ khác: 8% và 10%.

Theo Nghị định số 44/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 06 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 101/2023/QH15 được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua ngày 24 tháng 06 năm 2023, Tập đoàn được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% cho một số nhóm hàng hóa, dịch vụ theo quy định kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023.

***Các loại thuế khác***

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn.

**3.17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**3.18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**3.19. Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

**3.20. Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Tập đoàn, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Tiền mặt	1.379.314.506	3.989.123.202
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	32.538.628.130	54.870.441.574
Các khoản tương đương tiền (*)	85.638.800.000	65.653.717.000
<b>Cộng</b>	<b>119.556.742.636</b>	<b>124.513.281.776</b>

(\*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc dưới 03 tháng với lãi suất từ 2,1%/năm đến 3%/năm đã dùng để đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm Mục 4.14.

(Xem trang tiếp theo)

51  
NG  
NH  
AN  
TI  
3H  
013  
ÔNG  
CỔ P  
NH  
AI T  
ĐA-



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 02 Bích Châu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn:				
Tiền gửi có kỳ hạn	115.098.356.800	115.098.356.800	150.779.540.000	150.779.540.000
Dài hạn:				
Trái phiếu	3.700.000.000	3.700.000.000	4.700.000.000	4.700.000.000

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 06 đến 12 tháng với lãi suất từ 3,3% đến 7,8%/năm. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này đang được dùng để đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm Mục 4.14.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn là khoản đầu tư vào trái phiếu của Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam với lãi suất 8,4%/năm và kỳ hạn 07 năm, được dùng để đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm Mục 4.14.

Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu
Đầu tư vào công ty liên kết:				
Công ty Cổ phần Cảng Mipec	310.765.050.000	171.142.319.838	277.696.850.000	169.856.891.784

Thông qua Nghị quyết số 03/2023/NQ-HĐQT ngày 06/01/2023 và Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐQT ngày 16/02/2023, Tập đoàn thực hiện quyền mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cảng Mipec theo phương án phát hành thêm cổ phiếu với tổng giá trị 33.068.200.000 VND làm tăng tỷ lệ quyền biểu quyết từ 26,33% lên 26,66%.

Theo chứng thư thẩm định giá ngày 30 tháng 01 năm 2024 từ tổ chức thẩm định chuyên nghiệp, giá trị 1 cổ phần của Công ty Cổ phần Cảng Mipec tại ngày 31/12/2023 được định giá là 11.819 VND/01 cổ phần và hiện đang cao hơn so với giá gốc bình quân của 1 cổ phần được mua mà Tập đoàn đang ghi sổ là 10.419 VND/01 cổ phần.



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác dài hạn được chi tiết như sau:

Tại ngày 31/12/2023

VND

Tại ngày 01/01/2023

VND

Đầu tư vào đơn vị khác:	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty TNHH Mitsui Soko Việt Nam <sup>(a)</sup>	2.260.000.000	(*)	(68.342.327)	2.260.000.000	(*)	(20.986.029)
Công ty CP Dịch vụ Logistics Thăng Long <sup>(b)</sup>	21.185.240.000	(*)	-	19.363.200.000	(*)	-
<b>Cộng</b>	<b>23.445.240.000</b>		<b>(68.342.327)</b>	<b>21.623.200.000</b>		<b>(20.986.029)</b>

(\*) Tại ngày báo cáo, Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(a) Khoản đầu tư này chiếm 10% vốn góp của Công ty TNHH Mitsui Soko Việt Nam. Công ty TNHH Mitsui Soko Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh kho bãi, lưu giữ hàng hóa và hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

(b) Công ty CP Dịch vụ Logistics Thăng Long hoạt động trong lĩnh vực xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp. Thông qua Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐQT ngày 25/05/2023, Tập đoàn thực hiện mua thêm 182.204 cổ phiếu của Công ty CP Dịch vụ Logistics Thăng Long với tổng giá trị 1.822.040.000 VND. Tại thời điểm 31/12/2023, khoản đầu tư này chiếm tỷ lệ 9,18%.

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác trong năm như sau:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Số đầu năm	20.986.029	709.636.171
Trích lập trong năm	47.356.298	-
Hoãn nhập trong năm	-	(688.650.142)
<b>Số cuối năm</b>	<b>68.342.327</b>	<b>20.986.029</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 02 Bích Cầu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Phải thu từ bên liên quan – Xem thêm Mục 8	776.338.838	59.404.860
Phải thu khách hàng:		
Công ty TNHH Tiếp vận KCL	5.745.359.435	4.292.906.586
Công ty TNHH PTV Logistics	4.975.631.001	453.094.590
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	3.073.574.770	5.708.055.875
Công ty TNHH MTV Giấy Lập Thạch	2.378.662.200	3.410.576.425
Công ty Cổ phần Thương mại Tổng hợp Vĩnh Thịnh	2.269.836.834	5.078.278.855
B-Tech International Design and Manufacturing Ltd	2.161.720.235	-
Các khách hàng khác (*)	115.284.381.742	143.288.852.200
<b>Cộng</b>	<b>136.665.505.055</b>	<b>162.291.169.391</b>

(\*) Tại ngày 31/12/2023, phải thu các khách hàng khác ngắn hạn có số dư mỗi khách hàng dưới 10% tổng số phải thu ngắn hạn của khách hàng.

**4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Regional Container Lines Public Company	3.124.871.844	5.368.976.298
Sento Pte. Ltd (*)	20.520.546.244	-
Các nhà cung cấp khác	2.568.314.124	2.339.580.040
<b>Cộng</b>	<b>26.213.732.212</b>	<b>7.708.556.338</b>

(\*) Đây là khoản ứng trước tiền hàng theo hợp đồng số SENTO-HANO-046 tại ngày 4 tháng 10 năm 2023 và các hợp đồng SENTO-HANO-066, SENTO-HANO-067 tại ngày 27 tháng 12 năm 2023 cho nhà cung cấp Sento Pte. Ltd.

**4.5. Phải thu ngắn hạn khác**

	Tại ngày 31/12/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký quỹ	3.802.665.458	-	8.109.676.000	-
Tạm ứng cho nhân viên	9.596.531.657	-	8.755.568.553	-
Phải thu khác	4.299.649.246	-	2.606.390.345	-
<b>Cộng</b>	<b>17.698.846.361</b>	<b>-</b>	<b>19.471.634.898</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.6. Nợ xấu**

	Tại ngày 31/12/2023		Tại ngày 01/01/2023		Thời gian quá hạn
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi VND	
Công ty TNHH Thương Mại Đầu tư Nhật Phương	5.300.180.797	-	5.300.180.797	1.590.054.238	Từ 2 năm đến 3 năm
Công ty TNHH MTV Chế tạo Thiết bị và Đóng tàu Hải Phòng	1.115.620.730	-	1.115.620.730	-	Trên 3 năm
Công ty CP Giao nhận DMG Hà Nội	1.076.916.240	-	1.076.916.344	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH Dịch Vụ Thương Mại Chuyển Phát Nhanh Đa Phương	1.466.360.737	473.180.369	1.300.000.000	650.000.000	Từ 1 năm đến 2 năm
Các khách hàng khác	3.525.607.603	931.738.965	3.670.889.929	1.068.975.822	Từ 6 tháng đến trên 3 năm
<b>Cộng</b>	<b>12.484.686.107</b>	<b>1.404.919.334</b>	<b>12.463.607.800</b>	<b>3.309.030.060</b>	

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng nợ phải thu khó đòi trong năm như sau:

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Số đầu năm	9.154.577.740	7.103.140.318
Trích lập trong năm	1.925.189.033	2.051.437.422
Hoàn nhập trong năm	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>11.079.766.773</b>	<b>9.154.577.740</b>


  
 CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 02 Bích Châu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2023	52.967.101.368	10.942.120.969	43.317.402.791	1.016.535.266	855.470.000	109.098.630.394
Mua trong kỳ	-	-	1.268.577.884	-	-	1.268.577.884
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(279.475.637)	-	-	(279.475.637)
Giảm khác	-	(360.883.804)	(35.100.000)	(267.482.720)	-	(663.466.524)
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>	<b>52.967.101.368</b>	<b>10.581.237.165</b>	<b>44.271.405.038</b>	<b>749.052.546</b>	<b>855.470.000</b>	<b>109.424.266.117</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2023	25.925.074.384	9.007.259.861	40.898.836.105	937.551.262	835.261.928	77.603.983.540
Khấu hao trong kỳ	2.780.109.798	630.521.910	851.235.917	40.528.996	18.699.996	4.321.096.617
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(189.784.707)	-	-	(189.784.707)
Giảm khác	-	(360.883.804)	(35.100.000)	(267.482.720)	-	(663.466.524)
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>	<b>28.705.184.182</b>	<b>9.276.897.967</b>	<b>41.525.187.315</b>	<b>710.597.538</b>	<b>853.961.924</b>	<b>81.071.828.926</b>
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2023	27.042.026.984	1.934.861.108	2.418.566.686	78.984.004	20.208.072	31.494.646.854
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>	<b>24.261.917.186</b>	<b>1.304.339.198</b>	<b>2.746.217.723</b>	<b>38.455.008</b>	<b>1.508.076</b>	<b>28.352.437.191</b>

NG PH AN V THU  
 A-T  
 135  
 01/11/2023

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình là 2.346.154.498 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm mục 4.14.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 46.027.566.684 VND.

**4.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2023	2.642.410.677	950.662.509	3.593.073.186
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>	<b>2.642.410.677</b>	<b>950.662.509</b>	<b>3.593.073.186</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2023	1.606.670.841	921.651.082	2.528.321.923
Khấu hao trong kỳ	16.316.244	29.011.427	45.327.671
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>	<b>1.622.987.085</b>	<b>950.662.509</b>	<b>2.573.649.594</b>
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2023	1.035.739.836	29.011.427	1.064.751.263
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>	<b>1.019.423.592</b>	<b>-</b>	<b>1.019.423.592</b>

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.382.213.578 VND.

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình là 640.363.374 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm mục 4.14.

(Xem trang tiếp theo)

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.9. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Regional Container Lines Public Co., Ltd	113.172.594.913	113.172.594.913	112.155.346.710	112.155.346.710
Qatar Airway Group	3.409.901.356	3.409.901.356	2.267.751.709	2.267.751.709
Phải trả cho các đối tượng khác	61.318.732.074	61.318.732.074	81.817.986.318	81.817.986.318
<b>Cộng</b>	<b>177.901.228.343</b>	<b>177.901.228.343</b>	<b>196.241.984.737</b>	<b>196.241.984.737</b>

**4.10. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 31/12/2023		Trong năm		Tại ngày 01/01/2023	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	590.803.677	7.244.892.222	7.315.049.207	-	660.960.662
Thuế thu nhập doanh nghiệp	185.741.056	548.750.955	2.591.495.137	3.870.324.312	-	1.641.839.074
Thuế thu nhập cá nhân	-	390.330.826	6.642.153.362	8.652.467.845	-	2.400.645.309
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	-	719.154.156	719.154.156	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	1.420.839.455	16.924.651.224	16.875.467.695	-	1.371.655.926
<b>Cộng</b>	<b>185.741.056</b>	<b>2.950.724.913</b>	<b>34.122.346.101</b>	<b>37.432.463.215</b>	<b>-</b>	<b>6.075.100.971</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.11. Phải trả người lao động**

Là quỹ tiền lương và thưởng phải trả cho nhân viên tại ngày 31/12/2023.

**4.12. Chi phí phải trả**

Là chi phí trích trước cước vận chuyển và phí làm chứng từ.

**4.13. Phải trả khác**

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Ngắn hạn:		
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6.657.277.945	6.144.268.626
Các khoản phải trả, phải nộp khác	795.382.617	1.342.523.349
<b>Cộng</b>	<b>7.452.660.562</b>	<b>7.486.791.975</b>
Dài hạn:		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	3.044.094.000	3.506.038.000

(Xem trang tiếp theo)

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.14. Vay ngắn hạn**

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2023			Tại ngày 01/01/2023		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	VND	Tăng	Giảm	VND
Vay ngắn hạn	223.798.088.988	223.798.088.988	804.479.864.304	813.129.155.489	232.447.380.173	232.447.380.173
Các khoản vay được chi tiết như sau:						
<b>Ngân hàng</b>	<b>Loại tiền</b>	<b>Hạn mức vay</b>	<b>Thời hạn vay</b>	<b>Lãi suất</b>	<b>Mục đích vay</b>	<b>Tại ngày 31/12/2023</b>
						<b>VND</b>
						<b>Số có khả năng trả nợ</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam <sup>(a)</sup>	VND	350.000.000.000	< 12 tháng	4,2% - 8,3%/năm	Bổ sung vốn lưu động	113.491.148.522
Ngân hàng TMCP Quân Đội <sup>(b)</sup>	VND	80.000.000.000	< 12 tháng	6,2% - 8,6%/năm	Bổ sung vốn lưu động	12.652.264.728
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam <sup>(c)</sup>	VND	56.000.000.000	< 12 tháng	5,5% - 8,2%/năm	Bổ sung vốn lưu động	44.597.614.720
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam <sup>(d)</sup>	VND	70.000.000.000	< 12 tháng	5,5% - 8,5%/năm	Bổ sung vốn lưu động	12.054.090.293
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam <sup>(e)</sup>	VND	23.000.000.000	< 12 tháng	5,6% - 8,5%/năm	Bổ sung vốn lưu động	21.335.340.236
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Hoàng Mai <sup>(f)</sup>	VND	55.000.000.000	< 12 tháng	5,5% - 8,5%/năm	Bổ sung vốn lưu động	18.829.938.951
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội <sup>(g)</sup>	VND	60.000.000.000	< 12 tháng	6% - 7,5%/năm	Bổ sung vốn lưu động	837.691.538
<b>Cộng</b>						<b>223.798.088.988</b>
						<b>232.447.380.173</b>

Đã kiểm tra và đúng với sổ sách kế toán. Ngày 01/01/2023. Giám đốc tài chính: Nguyễn Văn Tuấn

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các khoản vay được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi có kỳ hạn – Xem thêm Mục 4.1 và Mục 4.2 và các tài sản khác, được chi tiết như sau:

(a) Khoản vay được bảo đảm bằng:

- Các tài khoản tiền gửi số 802222564996, 802222565014, 802222565005, 802222565032, 802222481855, kỳ hạn từ 01 đến 06 tháng với tổng giá trị là 22.300.000.000 VND;
- Các tài khoản tiền gửi số 802220000386, 802220000359, 802220000377, 802220000368, kỳ hạn 01 tháng với tổng giá trị là 350.000 USD;
- Tài sản cố định là một số phương tiện vận tải có giá trị còn lại tại ngày 31/12/2023 là 2.346.154.498 VND – Xem thêm Mục 4.7;
- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại 208 đường Chùa Vẽ, phường Đông Hải 1, quận Hải An, thành phố Hải Phòng có giá trị còn lại tại ngày 31/12/2023 là 640.363.374 VND – Xem thêm Mục 4.8.

(b) Khoản vay được đảm bảo bằng:

- Tài khoản tiền gửi số 0001580880950, kỳ hạn 12 tháng với tổng giá trị 12.000.000.000 VND;
- Tài khoản tiền gửi số 6807890264681, kỳ hạn 12 tháng với tổng giá trị 3.000.000.000 VND.
- Tài khoản tiền gửi số 001171725886, kỳ hạn 12 tháng với tổng giá trị là 2.000.000.000 VND.

(c) Khoản vay được đảm bảo bằng:

- Tài khoản tiền gửi số 1500633006291, kỳ hạn 12 tháng với tổng giá trị 8.000.000.000 VND;
- Tài khoản tiền gửi số 1500633006358, kỳ hạn 12 tháng với tổng giá trị 4.000.000.000 VND;
- Trái phiếu VBA121033, kỳ hạn 07 năm với tổng giá trị là 1.000.000.000 VND;
- Khoản vay được bảo đảm bằng các tài khoản tiền gửi số 1501633000869, 1501633000875, 1501633000954, 1501633000960 kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam với tổng giá trị là 8.000.000.000 VND.

(d) Khoản vay được đảm bảo bằng:

- Tài khoản tiền gửi số 216000233934, kỳ hạn 12 tháng với tổng giá trị là 500.000 USD;
- Tài khoản tiền gửi số 219000364277, kỳ hạn 12 tháng với tổng giá trị là 5.000.000.000 VND;
- Tài khoản tiền gửi số 211000235485, kỳ hạn 12 tháng với tổng giá trị là 13.204.812.000 VND.

(e) Khoản vay được đảm bảo bằng tài khoản tiền gửi số 703003958743, kỳ hạn 12 tháng với tổng giá trị 13.000.000.000 VND.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

(f) Khoản vay được đảm bảo bằng:

- Các tài khoản tiền gửi số 09750000004676, 09750000017086, 001020824108 kỳ hạn 06 đến 12 tháng với tổng giá trị 15.600.000.000 VND;
- Tài khoản tiền gửi số 001031887761, kỳ hạn 12 tháng với tổng giá trị là 194.000 USD;
- Các tài khoản tiền gửi số 215000278560, 213000284707, 219000360204, 217000301935 kỳ hạn 12 tháng với tổng giá trị là 5.337.200.000 VND;
- Các tài khoản tiền gửi số 213000208156, 219000220957, 216000212191, 218000213461 kỳ hạn 03 tháng với tổng giá trị là 260.000 USD.

**4.15. Trái phiếu chuyển đổi**

- Trái phiếu chuyển đổi của Công ty phát hành tại ngày 28 tháng 01 năm 2021 có thời hạn 2 năm kể từ ngày phát hành;
- Mục đích phát hành: góp thêm vốn vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Thăng Long và thanh toán một phần khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV);
- Số lượng trái phiếu chuyển đổi: 592.546 trái phiếu;
- Mệnh giá: 100.000 VND/ trái phiếu;
- Lãi suất phát hành trái phiếu: 7%/năm;
- Kỳ hạn trả lãi: 01 năm/lần;
- Tỷ lệ chuyển đổi thành cổ phiếu = Mệnh giá trái phiếu/ Giá chuyển đổi;
- Lãi suất chiết khấu dùng để xác định giá trị phần nợ gốc của từng loại trái phiếu chuyển đổi: 7,5%/năm;
- Giá trị phần nợ gốc là 58.722.622.520 VND và phần quyền chọn cổ phiếu của từng loại trái phiếu chuyển đổi là 531.977.480 VND.

**Trái phiếu chuyển đổi**

Tại ngày 01/01/2021	-
Phát hành trái phiếu chuyển đổi	58.722.622.520
Chi phí phát hành	(137.500.000)
Phân bổ chi phí phát hành	68.750.000
Lãi trái phiếu	237.409.985
Tại ngày 01/01/2022	58.891.282.505
Phân bổ chi phí phát hành	68.750.000
Lãi trái phiếu	274.180.436
Tại ngày 01/01/2023	59.234.212.941
Lãi trái phiếu	20.387.059
Phát hành cổ phiếu chuyển đổi trái phiếu (*)	(59.254.600.000)
Tại ngày 31/12/2023	-

(\*) Việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu đã được hoàn thành vào ngày 27 tháng 01 năm 2023 - Xem thêm Mục 4.16.

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 02 Bích Cầu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.16. Vốn chủ sở hữu****4.16.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quyên chọn trái phiếu chuyển đổi VND	Cổ phiếu quỹ VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ VND	
Tại ngày 01/01/2022	119.490.050.000	45.544.394.511	531.977.480	(817.208.082)	33.504.209.547	198.253.423.456
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	(11.201.327.291)	11.201.327.291
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(210.310.705)	(210.310.705)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(11.893.605.000)	(11.893.605.000)
Tại ngày 01/01/2023	119.490.050.000	45.544.394.511	531.977.480	(817.208.082)	10.198.966.551	174.948.180.460
Chuyển đổi trái phiếu (*)	47.504.920.000	12.281.657.480	(531.977.480)	-	-	59.254.600.000
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	(17.640.227.953)	(17.640.227.953)
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>	<b>166.994.970.000</b>	<b>57.826.051.991</b>	<b>-</b>	<b>(817.208.082)</b>	<b>(7.441.261.402)</b>	<b>216.562.552.507</b>

(\*) Việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu đã được hoàn thành vào ngày 27 tháng 01 năm 2023, với tổng số cổ phiếu được chuyển đổi là 4.750.492 cổ phiếu và mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu. Số lượng trái phiếu chuyển đổi là 592.546 trái phiếu với tỷ lệ chuyển đổi là 8,01714 (nhà đầu tư sở hữu 01 trái phiếu nhận 8,01714 cổ phiếu với giá chuyển đổi là 12.473,28 đồng/ cổ phiếu). Theo đó, vốn điều lệ đăng ký (theo mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu) của Tập đoàn tăng từ 119.490.050.000 VND lên 166.994.970.000 VND - Xem thêm Mục 4.15.

(Xem trang tiếp theo)





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.16.2. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Vốn góp tại ngày 01/01	119.490.050.000	119.490.050.000
Vốn góp tăng trong kỳ	47.504.920.000	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
<b>Vốn góp tại ngày 31/12</b>	<b>166.994.970.000</b>	<b>119.490.050.000</b>

**4.16.3. Cổ phiếu**

	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	16.699.497	11.949.005
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	16.699.497	11.949.005
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ)	55.400	55.400
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	16.644.097	11.893.605

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

**4.16.4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lỗ sau thuế của công ty mẹ	(17.640.227.953)	(11.201.327.291)
(Tạm) Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(500.000.000)	(500.000.000)
Lỗ sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(18.140.227.953)	(11.701.327.291)
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	16.292.691	11.893.605
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(1.113)</b>	<b>(984)</b>

**4.16.5. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lỗ sau thuế của công ty mẹ	(17.640.227.953)	(11.201.327.291)
(Tạm) Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(500.000.000)	(500.000.000)
Lỗ để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	(18.140.227.953)	(11.701.327.291)
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	16.292.691	11.893.605
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>(1.113)</b>	<b>(984)</b>

Quỹ khen thưởng phúc lợi được trừ ra khi tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu kỳ này được ước tính dựa vào tỷ lệ phân bổ lợi nhuận sau thuế dự kiến năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2023/NQ ĐHCĐ-VNT ngày 26 tháng 04 năm 2023.

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu được tính toán như sau:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành đầu năm	11.893.605	11.893.605
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân được chuyển đổi từ trái phiếu	4.399.086	-
<b>Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành trong kỳ</b>	<b>16.292.691</b>	<b>11.893.605</b>

**4.16.6. Các quỹ của doanh nghiệp**

	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND
Tại ngày 01/01/2023	9.400.293.842	12.000.000.000
Trích trong năm	-	-
Chi trong năm	-	-
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>	<b>9.400.293.842</b>	<b>12.000.000.000</b>

**4.17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất**

	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
Ngoại tệ các loại:		
USD	2.179.789,72	3.644.450,03
JPY	33.000,00	33.000,00
EUR	13.347,44	13.342,12
SGD	680,86	680,86

(Xem trang tiếp theo)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT**

**5.1. Doanh thu cung cấp dịch vụ**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Cước vận chuyển hàng không	353.350.662.206	631.817.812.152
Cước vận chuyển đường biển	368.735.446.082	816.065.754.366
Doanh thu dịch vụ khác	157.440.849.841	355.701.140.497
<b>Cộng</b>	<b>879.526.958.129</b>	<b>1.803.584.707.015</b>

Trong đó, doanh thu cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan – Xem thêm Mục 8

	1.779.497.785	2.548.364.991
--	---------------	---------------

Nguyên nhân giảm doanh thu năm nay được thuyết minh tại Mục 1.5.

**5.2. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân công	61.349.009.213	100.444.753.117
Chi phí công cụ, dụng cụ	344.148.266	654.253.495
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.466.778.246	4.097.531.688
Chi phí dịch vụ mua ngoài	740.885.843.817	1.578.736.904.055
Chi phí bằng tiền khác	24.603.777.017	29.489.768.357
<b>Cộng</b>	<b>830.649.556.559</b>	<b>1.713.423.210.712</b>

Giá vốn năm 2023 giảm 52% do giảm doanh thu như thuyết minh ở Mục 5.1.

**5.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.079.435.800	1.424.517.500
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	10.055.753.799	6.309.793.885
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.010.500.126	8.998.395.663
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	487.753.776	75.232.280
<b>Cộng</b>	<b>16.633.443.501</b>	<b>16.807.939.328</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**5.4. Chi phí tài chính**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí lãi vay	14.457.115.058	18.510.561.060
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.406.590.380	8.902.245.819
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng các khoản đầu tư	940.381.298	(291.575.142)
<b>Cộng</b>	<b>18.804.086.736</b>	<b>27.121.231.737</b>

**5.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân viên quản lý	15.011.835.047	21.493.788.775
Chi phí khấu hao TSCĐ	899.646.042	859.966.968
Chi phí dự phòng	1.925.189.033	2.051.437.424
Chi phí bằng tiền khác	12.524.222.815	17.223.515.794
<b>Cộng</b>	<b>30.360.892.937</b>	<b>41.628.708.961</b>

**5.6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân công	76.360.844.260	121.938.541.892
Chi phí khấu hao TSCĐ	4.366.424.288	4.957.498.656
Chi phí dịch vụ mua ngoài	740.885.843.817	1.578.736.904.055
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	1.925.189.033	2.051.437.424
Chi phí khác	37.472.148.098	47.367.537.646
<b>Cộng</b>	<b>861.010.449.496</b>	<b>1.755.051.919.673</b>

(Xem trang tiếp theo)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**5.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế trong năm được xác định như sau:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	(15.048.732.816)	(1.659.682.275)
Cộng: Điều chỉnh lợi nhuận do hợp nhất BCTC	31.823.992.838	39.520.187.807
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	524.925.652	2.655.229.786
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(640.274.782)	(88.419.924)
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm (Cổ tức và lợi nhuận sau thuế được chia)	(2.079.435.800)	(1.424.517.500)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	14.580.475.092	39.002.797.894
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	2.916.095.018	7.800.559.579
Điều chỉnh thuế TNDN của các năm trước	(324.599.881)	1.741.085.437
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>2.591.495.137</b>	<b>9.541.645.016</b>

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế.

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

**6.1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chuyển đổi trái phiếu thành vốn chủ sở hữu	59.254.600.000	-

**6.2. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	804.479.864.304	1.286.384.332.224

**6.3. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	(813.129.155.489)	(1.279.338.312.846)

(Xem trang tiếp theo)

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 2 Bích Châu, phường Quảng Quốc Từ Giám, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****7. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Nhiệm vụ mục đích quản lý, Tập đoàn có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý như sau:

- Hà Nội;
- Hải Phòng.

Đơn vị: Ngân đồng

	Hà Nội		Hải Phòng		Loại trừ		Tổng cộng	
	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022
<b>Doanh thu</b>								
Từ khách hàng bên ngoài	794.663.710	1.680.107.879	84.863.248	123.476.828	-	-	879.526.958	1.803.584.707
Giữa các bộ phận	100.816.087	103.036.337	13.236.825	17.548.017	(114.052.912)	(120.584.354)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>895.479.797</b>	<b>1.783.144.216</b>	<b>98.100.073</b>	<b>141.024.845</b>	<b>(114.052.912)</b>	<b>(120.584.354)</b>	<b>879.526.958</b>	<b>1.803.584.707</b>

**Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính	7.898.296	24.706.316	10.618.213	23.826.472	-	-	18.516.509	48.532.788
Lỗ hợp nhất từ công ty liên kết	(31.782.772)	(39.520.188)	-	-	-	-	(31.782.772)	(39.520.188)
Doanh thu tài chính	10.483.844	12.397.845	6.149.600	4.410.094	-	-	16.633.444	16.807.939
Chi phí tài chính	(14.617.573)	(20.527.997)	(4.186.514)	(6.593.234)	-	-	(18.804.087)	(27.121.231)
Lợi nhuận khác	409.198	(510.939)	(21.024)	151.949	-	-	388.174	(358.990)
Lợi nhuận trước thuế Thuế TNDN	(27.609.006)	(23.454.963)	12.560.275	21.795.281	-	-	(15.048.733)	(1.659.682)
							(2.591.495)	(9.541.645)
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>							<b>(17.640.228)</b>	<b>(11.201.327)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 2 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các thông tin khác	Hà Nội		Hải Phòng		Loại trừ		Tổng cộng	
	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
Tài sản của bộ phận	546.197.733	586.891.277	198.471.305	181.383.744	(92.989.380)	(65.569.238)	651.679.658	702.705.783
Nợ phải trả của bộ phận	329.635.180	411.943.097	198.471.305	181.383.744	(92.989.380)	(65.569.238)	435.117.105	527.757.603
Chi phí mua sắm tài sản trong năm	1.768.715	196.372	93.553	-	-	-	1.862.268	196.372
Chi phí khấu hao trong năm	950.672	946.596	3.415.752	4.010.902	-	-	4.366.424	4.957.498

Đơn vị: Ngân đồng

Doanh thu bộ phận được đưa trên cơ sở vị trí địa lý của khách hàng. Tài sản và chi phí mua sắm tài sản cố định bộ phận được trình bày theo vị trí địa lý của tài sản.

Tập đoàn không có báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh vì Tập đoàn chỉ hoạt động trong lĩnh vực giao nhận vận chuyển và logistics, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo lĩnh vực kinh doanh cần thiết phải thuyết minh.

(Xem trang tiếp theo)

ĐẠI THẠM  
ÔNG  
Ô P  
HẠN  
AI THالتجارة العامة  
مصر

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**Danh sách các bên liên quan**

1. Công ty Cổ phần Vinafreight
2. Công ty Cổ phần Transimex
3. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát

**Mối quan hệ**

- Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể  
 Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể  
 Nhân sự quản lý chủ chốt

Giao dịch nội bộ giữa các công ty trong Tập đoàn đã được loại trừ toàn bộ trong quá trình hợp nhất.

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	<b>Tại ngày 31/12/2023 VND</b>	<b>Tại ngày 01/01/2023 VND</b>
<b>Phải thu thương mại – Xem thêm Mục 4.3:</b>		
Công ty Cổ phần Vinafreight	776.338.838	59.404.860
Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:		
	<b>Năm 2023 VND</b>	<b>Năm 2022 VND</b>
<b>Cung cấp dịch vụ:</b>		
Công ty Cổ phần Vinafreight	1.637.035.026	2.485.533.137
Công ty Cổ phần Transimex	142.462.759	62.831.854
<b>Cộng – Xem thêm Mục 5.1</b>	<b>1.779.497.785</b>	<b>2.548.364.991</b>
<b>Mua dịch vụ:</b>		
Công ty Cổ phần Vinafreight	244.994.400	155.250.270
Công ty Cổ phần Transimex	262.398.270	1.201.558.256
<b>Cộng</b>	<b>507.392.670</b>	<b>1.356.808.526</b>
<b>Cổ tức, lợi nhuận được chia:</b>		
Công ty Cổ phần Vinafreight	694.575.000	-
<b>Chi phí lãi vay đã trả:</b>		
Công ty Cổ phần Vinafreight	1.040.949.000	-
Công ty Cổ phần Transimex	653.471.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.694.420.000</b>	<b>-</b>

32.  
 TY  
 TU  
 NA  
 CI

2854  
 TY  
 IAN  
 VAN T  
 UONG  
 TP. H



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 2 Bích Cầu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Lương, thù lao và các khoản chi phí khác của các thành viên Hội đồng quản trị (" HĐQT"), Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Tập đoàn trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	Năm 2023 VND			Năm 2022 VND		
		Thù lao	Thu nhập	Cộng	Thù lao	Thu nhập	Cộng
Ông Nguyễn Xuân Giang	Chủ tịch	133.333.333	916.332.000	1.049.665.333	133.333.333	916.332.000	1.049.665.333
Ông Trần Công Thành	Tổng Giám đốc/ Thành viên	61.111.111	916.332.000	977.443.111	61.111.111	916.332.000	977.443.111
Ông Lê Đại Thắng	Phó Tổng Giám đốc	-	636.000.000	636.000.000	-	612.000.000	612.000.000
Ông Ngô Trọng Bắc	Phó Tổng Giám đốc	-	615.480.000	615.480.000	-	612.000.000	612.000.000
Ông Tăng Anh Quốc	Phó Tổng Giám đốc	-	615.480.000	615.480.000	-	612.000.000	612.000.000
Ông Lê Duy Hiệp	Thành viên	61.111.111	-	61.111.111	61.111.111	-	61.111.111
Ông Nguyễn Bích Lân	Thành viên	61.111.111	-	61.111.111	61.111.111	-	61.111.111
Bà Lê Hoàng Như Uyên	Thành viên	61.111.111	-	61.111.111	61.111.111	-	61.111.111
Ông Vũ Thế Đức	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2023)	61.111.111	-	61.111.111	61.111.111	-	61.111.111
Ông Nguyễn Bảo Trung	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2023)	-	-	-	61.111.111	-	61.111.111
Bà Trần Thị Kim Ngân	Thành viên ban kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2023)	-	-	-	61.111.111	-	61.111.111
Bà Vũ Thị Bình Nguyễn	Trưởng ban kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2023)	-	22.222.222	22.222.222	-	22.222.222	22.222.222
Bà Nguyễn Thị Kim Liên	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2023)	-	16.666.667	16.666.667	-	16.666.667	16.666.667
	Thành viên ban kiểm soát	-	16.666.667	16.666.667	-	16.666.667	16.666.667
<b>Cộng</b>		<b>438.888.888</b>	<b>3.755.179.556</b>	<b>4.194.068.444</b>	<b>499.999.999</b>	<b>3.724.219.556</b>	<b>4.224.219.555</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**9. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại:

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Trích):

	<b>Năm 2022</b> <b>VND</b> (Được báo cáo lại)	<b>Năm 2022</b> <b>VND</b> (Đã được báo cáo trước đây)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	(984)	(487)

Việc báo cáo lại thông tin so sánh nêu trên là do có sự thay đổi về số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành và số lỗ để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

**10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Theo Nghị Quyết số 14/2023/NQ-HDQT ngày 27/12/2023, Tập đoàn thông qua phương án chuyển nhượng cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cảng Mipec (dưới đây gọi tắt là "Cảng Mipec") với tổng số cổ phiếu được chuyển nhượng tối đa là 3.500.000 tương ứng 3,13% tỷ lệ sở hữu trong Cảng Mipec.

Ngày 28/12/2023, Tập đoàn đã thực hiện ký kết hợp đồng chuyển nhượng 1.750.000 cổ phiếu của Cảng Mipec cho bà Nguyễn Thu Hương với tổng giá trị được chuyển nhượng là 40.250.000.000 VND. Và tại thời điểm trên, bà Nguyễn Thu Hương đã đặt cọc số tiền 402.500.000 VND cho Tập đoàn. Việc chuyển nhượng được thực hiện thông qua Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI.

Giao dịch chuyển nhượng trên đã được Tập đoàn và bà Nguyễn Thu Hương thống nhất hủy bỏ theo hợp đồng thanh lý ngày 10/01/2024. Theo đó, Tập đoàn cũng đã hoàn trả khoản tiền cọc cho bà Nguyễn Thu Hương vào ngày 24/01/2024. Do đó, Tập đoàn và Cảng Mipec đã không ghi nhận giao dịch chuyển nhượng trên cho báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31/12/2023. Tuy nhiên, đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, thông tin hủy bỏ giao dịch chuyển nhượng trên chưa được Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI cập nhật kịp thời.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 31/12/2023 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Tập đoàn trong những năm tài chính sắp tới.



Trần Công Thành  
Tổng Giám đốc

TP. Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024

Đỗ Thị Thu Hiền  
Kế toán trưởng

Lê Thị Hương Lan  
Người lập